

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-PT
Ngày 15-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Hoàng Anh

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 557/2019/HSPT ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Phú T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2019/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Phú T (tên gọi khác: Xù); giới tính: nam; sinh ngày 05 tháng 02 năm 1990 tại Đà Nẵng; thường trú: thôn AT, xã HT, huyện HV, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: số B1 đường TTT, Phường L1, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên phục vụ; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: PCA và bà: ĐTL; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam từ ngày: 12/12/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 12/12/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp cùng Công an Phường 6, Quận 4 kiểm tra hành chính căn hộ B2 chung cư M1 (địa chỉ: số B đường BVĐ, Phường L, Quận R). Qua kiểm tra, Cơ quan công an phát hiện bên trong căn hộ có 17 đối tượng nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Phạm Phú T, PAT1, LTV, VTMT2, HTT3, PVK, PCH, LTN, LTHM, ĐHV1, DNP, NTA, PTNQ, NQT4, HKN1, HCN2, LHT5. Cơ quan công an cũng phát hiện bên dưới tấm nệm trong phòng ngủ căn hộ có 01 gói nylon chứa 06 viên nén màu xanh và

01 gói nylon nhỏ chứa chất bột màu trắng nghi vẫn là ma túy nên đã tiến hành thu giữ vật chứng, đưa các đối tượng về trụ sở làm việc. Khi tiến hành xét nghiệm nhanh, kết quả thể hiện Phạm Phú T, LTV, VTMT2, HTT3, PVK, PCH, LTN, LTHM, ĐHV1, DNP, NTA, PTNQ, NQT4, HKN1, HCN2, LHT5 đều dương tính với ma túy tổng hợp, riêng PAT1 cho kết quả âm tính.

■ Tại Kết luận giám định số 183/KLGĐ-H ngày 18/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 183) ghi nhận:

- Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m_1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,5710 gam, loại Ketamine.

- 06 viên nén màu xanh được ký hiệu mẫu m_2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4800 gam, loại MDMA.

■ Tại Cơ quan điều tra, Phạm Phú T, PAT1, LTV, VTMT2, HTT3, PVK, PCH, LTN, LTHM, ĐHV1, DNP, NTA, PTNQ, NQT4, HKN1, HCN2, LHT5 khai nhận:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 12/12/2018, MT2 có tổ chức sinh nhật tại quán S trên đường VK, Quận R nên nhờ bạn bè quen biết, làm chung của MT2 và Phạm Phú T cùng đến tham dự. Đến khoảng 04 giờ 00 cùng ngày, bị cáo T nảy sinh ý định tiếp tục sinh nhật bằng cách thuê căn hộ sử dụng ma túy chung. Để thực hiện, bị cáo nói ý định cho MT2 và tất cả bạn bè nghe, tất cả đồng ý. Khi T hỏi nhóm xem có ai biết người cho thuê căn hộ để sử dụng ma túy không, LTHM nhớ đến đối tượng tên H1 (chưa rõ nhân thân lai lịch) làm quản lý ở quán Bar 030 (địa chỉ: số B2 đường VVT, Phường L2, Quận R1) và cũng là người chuyên cho thuê căn hộ sử dụng ma túy (“tổ chức bay lắc”). M gọi điện thoại cho đối tượng tên T6 (chưa rõ nhân thân lai lịch) làm ở quán Bar 030 để xin số điện thoại của đối tượng H1. Đối tượng T6 cho M số 0911252402 của đối tượng H1, M liền đưa số này cho T. Bị cáo gọi điện thoại cho đối tượng H1, H1 trả lời có cho thuê căn hộ chung cư M (địa chỉ: số B đường BVĐ, Phường L, Quận R) giá 4.000.000 đồng/ đêm, T đồng ý thuê, H1 nói T chạy đến tầng hầm B1 chung cư trên. Sau đó, bị cáo T nói LTHM, PVK, PCH, NQT4, HKN1, HTT3, HCN2, LTV, PTNQ qua chung cư M trước, còn bị cáo ở lại tính tiền và cùng các bạn còn lại qua sau. M, K, H, T4, N1, T3, N, V, Q chạy xe đến tầng hầm B1 chung cư M thì gặp H1 và được H1 dẫn lên căn hộ B30.07 chung cư và đưa tất cả vào bên trong căn hộ. Sau khi trả tiền nhậu xong, Phạm Phú T, NTA, PAT1, LHT5, VTMT2 chạy xe đến chung cư M sau và cũng được H1 dẫn lên căn hộ 30.07 trên.

Khi Phạm Phú T, PAT1, LTV, VTMT2, HTT3, PVK, PCH, LTN, LTHM, ĐHV1, DNP, NTA, PTNQ, NQT4, HKN1, HCN2, LHT5 đã cùng vào hết căn hộ B2 chung cư M1, đối tượng H1 hỏi riêng bị cáo T có lấy ma túy để sử dụng không. Bị cáo trả lời có thì H1 cho biết đã để sẵn bên dưới tấm nệm trong phòng ngủ 01 gói nylon bên trong có 11 viên thuốc và 01 gói ma túy hàng khay, giá thuốc lắc là 250.000 đồng/ viên và hàng khay là 1.000.000 đồng/ gói, T sử dụng hết bao nhiêu thì đến khi trả phòng tính tiền sau. Bị cáo lấy 4.000.000 đồng ra rồi trả tiền phòng cho H1 trước, H1 ra về. T đi vào phòng ngủ lấy gói nylon chứa ma túy đang để dưới tấm nệm ra, kiểm đếm thấy bên trong có 11 viên nén

màu xanh và 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng như H1 đã nói. Sau đó, bị cáo T mở gói nylon ra, lấy 01 viên thuốc lắc đưa cho HCN2, 01 viên thuốc lắc đưa cho NQT4 và 01 viên thuốc lắc đưa cho PCH rồi để gói ma túy thuốc lắc và hàng khay trên bàn cho mọi người tự lấy sử dụng. Tất cả mở nhạc và đèn cùng sử dụng ma túy, riêng PAT1 do say rượu nên không sử dụng ma túy mà nằm ngủ.

Về việc sử dụng ma túy thuốc lắc, cả nhóm khai như sau: LTN sử dụng 01 viên do T đưa; PVK sử dụng 01 viên do T đưa; PCH sử dụng 1/2 viên do T đưa; LTHM lấy 1/4 viên đang để trên bàn sử dụng; PTNQ lấy 01 viên đang để trên bàn sử dụng; VTMT2 lấy 01 viên đang để trên bàn sử dụng; NQT4 nhận 1/2 viên do T đưa và chia ra thành 02 phần, mỗi phần 1/4 viên cho T4 và HKN1 cùng sử dụng; ĐHV1 được VTMT2 đưa cho 01 viên, V1 bẻ đôi ra thành 02 phần, mỗi phần 1/2 cho DNP cùng sử dụng; LTV sử dụng 1/2 viên do VTMT2 đưa; HCN2 có nhận của T 01 viên và bẻ đôi thành 02 phần, mỗi phần 1/2 viên đưa cho HTT3 cùng sử dụng; LHT5 sử dụng 01 viên do T đưa; bản thân T cũng sử dụng 1/2 viên thuốc lắc. Đến 05 giờ 30 phút cùng ngày, khi bị Cơ quan công an gõ cửa kiểm tra, bị cáo T liền lấy gói ma túy đang để trên bàn (bên trong còn lại 06 viên thuốc lắc màu xanh) và 01 bịch ma túy khay đang để trên bàn cất giấu lại bên dưới tấm nệm như ban đầu để tránh bị phát hiện thì bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo như đã nêu.

■ Đối với các đối tượng liên quan:

- Đối với ông NHM1, người cho đối tượng H1 thuê căn hộ B2 chung cư M1: Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định căn hộ do ông L (quốc tịch: Đài Loan) là chủ sở hữu, bà PLHC là người quản lý. Bà C khai ông L có hợp đồng cho ông NHM1 thuê trong thời hạn 01 năm từ ngày 11/10/2018. Ông M1 khai thuê căn hộ nhằm mục đích kinh doanh cho khách du lịch thuê ngắn hạn kiếm lời; khoảng 03 giờ 00 ngày 12/12/2018, đối tượng H1 gọi điện thoại cho ông M1 để hỏi thuê căn hộ 01 ngày để tổ chức sinh nhật, ông đồng ý cho H1 thuê và báo giá là 3.000.000 đồng. Xét thấy ông M1 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Phú T nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông M1.

- Đối với đối tượng tên H1: Qua lời khai của LTHM thì đối tượng H1 trước đây làm quản lý tại quán Bar 030 (địa chỉ: Số B2 đường VVT, Phường L2, Quận R1). Theo Giám đốc phụ trách nhân sự tại Công ty TNHH TMDV D thì ở bộ phận chăm sóc khách hàng của công ty có đối tượng tên NMH1 (sinh năm 1991, trú tại số B2 đường LQK, phường L3, thành phố R2, tỉnh Kiên Giang) nhưng đã nghỉ việc từ ngày 11/02/2019. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an phường thì đối tượng H1 không có mặt tại địa phương nên đã trích hồ sơ để tiếp tục làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý với đối tượng H1 sau.

- Đối với VTMT2 và LTHM:

Sau khi nghe Phạm Phú T rủ cùng đi thuê căn hộ sử dụng ma túy, VTMT2 đã đồng ý và rủ NTA, PAT1, ĐHV1 và DNP cùng thuê căn hộ sử dụng ma túy. Tại căn hộ B30.07, T2 tự lấy 01 viên thuốc lắc sử dụng cho bản thân; lấy 01 viên thuốc lắc đưa cho ĐHV1, V1 bẻ đôi cho V1 và DNP cùng sử dụng; lấy 1/2

viên thuốc lắc đưa cho LTV để Vân sử dụng. Xét thấy do vợ chồng A và T1, V1 và Phương là bạn của T2, khi T2 đi chơi tiếp thì T2 rủ tất cả cùng đi; việc T2 đưa ma túy cho V1, Vân sử dụng cũng như các đối tượng khác đưa ma túy cho nhau sử dụng chỉ là cách thức mà các đối tượng sử dụng ma túy với nhau nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở xử lý đối với T2.

LTHM có hành vi đưa số điện thoại của đối tượng H1 cho bị cáo T để T thuê căn hộ cùng các bạn sử dụng ma túy. Xét thấy việc thuê căn hộ là do T trực tiếp thuê nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở xử lý.

Cơ quan điều tra trích hồ sơ tiếp tục làm rõ hành vi của T2 và M, khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý.

- Cơ quan điều tra cũng đã trích hồ sơ chuyển cho Công an Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đề ra Quyết định xử phạt hành chính các đối tượng LTV, VTMT2, HTT3, PVK, PCH, LTN, LTHM, ĐHV1, DNP, NTA, NQT4, HKN1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Riêng đối với PTNQ, HCN2, LHT5, do các đối tượng không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên nên được đưa vào Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để cắt con, giải độc, tư vấn tâm lý trong hời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2019/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Phú T (Xù) phạm “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Phú T (Xù) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2018.

Ngoài ra, bản án còn buộc bị cáo Phạm Phú T nộp phạt số tiền 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 11/11/2019, bị cáo Phạm Phú T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Phú T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm ghi nhận, thừa nhận bản thân đã mua ma túy từ đối tượng H1, đưa ma túy trực tiếp cho một số đối tượng sử dụng, sau đó để lượng ma túy còn lại trên bàn và chỉ chỗ này cho các đối tượng khác lấy ma túy cùng sử dụng. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với Phạm Phú T, giảm 01 năm tù đối với “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, cụ thể: xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù về “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 10 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 12/12/2018, tại căn hộ B2 chung cư M1 (địa chỉ: số B đường BVĐ, Phường L, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh), Cơ quan công an tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện Phạm Phú T cùng 16 đối tượng khác (PAT1, LTV, VTMT2, HTT3, PVK, PCH, LTN, LTHM, ĐHV1, DNP, NTA, PTNQ, NQT4, HKN1, HCN2, LHT5) có biểu hiện nghi vấn việc sử dụng trái phép chất ma túy, qua xét nghiệm nhanh, bị cáo T và 15 đối tượng (trừ PAT1) dương tính với ma túy tổng hợp. Đồng thời, Cơ quan công an cũng thu giữ 01 gói nylon chứa 06 viên nén màu xanh (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại MDMA) và 01 gói nylon nhỏ chứa chất bột màu trắng (qua giám định là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine) được cất giấu để sử dụng. Qua quá trình điều tra, căn hộ trên được Phạm Phú T thuê và lượng ma túy các đối tượng sử dụng được T cung cấp. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 249 và Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo Phạm Phú T về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Phạm Phú T đã tìm và thuê căn hộ B2 chung cư M1, mua ma túy từ đối tượng tên H1 để bán thân cùng LTV, VTMT2, HTT3, PVK, PCH, LTN, LTHM, ĐHV1, DNP, NTA, PTNQ, NQT4, HKN1, HCN2, LHT5 sử dụng. Từ đó cho thấy bị cáo đã có hành vi cung cấp địa điểm và chất ma túy cho 15 đối tượng khác sử dụng trái phép, thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 năm 06 tháng tù về “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đồng thời, bị cáo Phạm Phú T đã có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy với mục đích sử dụng như đã nêu. Qua giám định, bột màu trắng bị thu giữ là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,5710 gam, loại Ketamine; 06 viên nén màu xanh được thu giữ là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4800 gam, loại MDMA, thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, cân nhắc tính chất và mức độ nguy

hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử bị cáo Phạm Phú T về tội danh và hình phạt như đã nêu. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy mức hình phạt đã tuyên là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Phú T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Phú T (Xù) phạm “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Phú T (Xù) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/12/2018.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 4; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án Quận 4; (2)
- TAND Quận 4; (1)
- Công an Quận 4; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (25) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan